TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08A/2024/HN- ST
Ngày 17/01/2024
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Mai Thị Nhặc

Bà Trần Thị Sẩm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng.

Ngày **17** tháng **01** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 483/2023/TLST-HN ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 524/2023/QĐXXST-HN ngày 25/12/2023 và quyết định hoãn phiên toà số: 03A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân Thị T, sinh 1982 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp An Th, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn*:** Lê Thanh B, sinh 1981 (vắng mặt không có ly do)

Trú tại: Ấp An Th, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị T trình bày:

Vào năm 2005 tôi và B đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, anh B không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu đánh đập tôi. Nay xin ly hôn với anh B.

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Lê Ngân Thùy Trang, sinh ngày 20/8/2005 (đã trưởng thành), Lê Ngân Thuỳ Trâm, sinh ngày 02/01/2013

con hiện đang sống cùng tôi. Đối với bé Trang đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, bé Trâm tôi xin nuôi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Lê Thanh B vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Đề nghị giao bé Trâm cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với bé Trang đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Tài sản chung: Tự thoả thuận giải quyết, nên không xem xét

Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị T cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì chị T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị T là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị T, anh B kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi

kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân, bỏ mặc nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh B đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh B không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Ngân Thùy Trang, sinh ngày 20/8/2005 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Lê Ngân Thuỳ Trâm, sinh ngày 02/01/2013 con hiện đang sống cùng chị T, đã thích nghi với việc chăm sóc của chị T, nguyện vọng của cháu Trâm sau khi được hỏi ý kiến cũng muốn sống cùng mẹ, nên chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Quan điểm của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngân Thị T. chị Ngân Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh B.

Về con chung: Chị T trực tiếp nuôi con Lê Ngân Thuỳ Trâm, sinh ngày 02/01/2013, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lê Ngân Thùy Trang, sinh ngày 20/8/2005 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị T, anh B được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002153 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã Phước Hiệp (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký